

Phụ lục I

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐÃ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TTHC QUÁ HẠN THÁNG 5 NĂM 2024

(Số liệu hồ sơ đã xử lý quá hạn từ ngày 01/5/2024 đến ngày 31/5/2024 trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh)

(Kèm theo Công văn số /HCC-HCQT ngày /6/2024 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Ngày có kết quả	Đơn vị giải quyết	Ghi chú
	Thành phố Sầm Sơn					
1	000.09.23.H56-240522-1001	22/05/2024	23/05/2024	28/05/2024	UBND Phường Quảng Vinh	
	Thị xã Nghi Sơn					
2	000.21.28.H56-240516-1002	16/05/2024	17/05/2024	22/05/2024	UBND Xã Trường Lâm	
3	000.21.28.H56-240516-1003	16/05/2024	17/05/2024	22/05/2024	UBND Xã Trường Lâm	
	Huyện Nông Cống					
4	000.00.36.H56-240513-1005	13/05/2024	17/05/2024	21/05/2024	UBND Huyện Nông Cống	
5	000.33.36.H56-231122-1001	22/11/2023	27/11/2023	30/05/2024	UBND Thị trấn Nông Cống	Cập nhật, đính kèm kết quả giải quyết TTHC không khớp với thông tin chủ hồ sơ
6	000.33.36.H56-231206-1001	12/12/2023	13/12/2023	30/05/2024	UBND Thị trấn Nông Cống	
7	000.33.36.H56-240325-1003	25/03/2024	26/03/2024	30/05/2024	UBND Thị trấn Nông Cống	
8	000.33.36.H56-240325-1004	26/03/2024	27/03/2024	30/05/2024	UBND Thị trấn Nông Cống	
9	000.33.36.H56-240415-1001	16/04/2024	17/04/2024	30/05/2024	UBND Thị trấn Nông Cống	
10	000.32.36.H56-240514-1001	14/05/2024	15/05/2024	21/05/2024	UBND Xã Yên Mỹ	
11	000.11.36.H56-240509-0006	09/05/2024	10/05/2024	25/05/2024	UBND xã Tế Lợi	
12	000.11.36.H56-240513-0001	13/05/2024	14/05/2024	20/05/2024	UBND xã Tế Lợi	Cập nhật, đính kèm kết quả giải quyết TTHC chưa có ký số cơ quan
13	000.11.36.H56-240513-0002	13/05/2024	14/05/2024	17/05/2024	UBND xã Tế Lợi	
	Huyện Lang Chánh					
14	000.00.41.H56-240506-1004	06/05/2024	27/05/2024	29/05/2024	UBND Huyện Lang Chánh	
15	000.00.41.H56-240514-1001	14/05/2024	17/05/2024	21/05/2024	UBND Huyện Lang Chánh	
16	000.00.41.H56-240520-1001	20/05/2024	23/05/2024	27/05/2024	UBND Huyện Lang Chánh	

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Ngày có kết quả	Đơn vị giải quyết	Ghi chú
17	000.00.41.H56-240521-1005	21/05/2024	24/05/2024	27/05/2024	UBND Huyện Lang Chánh	
18	000.00.41.H56-240521-1007	22/05/2024	27/05/2024	28/05/2024	UBND Huyện Lang Chánh	
19	000.04.41.H56-240118-0001	18/01/2024	26/02/2024	15/05/2024	UBND Xã Đồng Lương	
20	000.04.41.H56-240118-0002	18/01/2024	26/02/2024	17/05/2024	UBND Xã Đồng Lương	
21	000.04.41.H56-240227-1001	27/02/2024	28/02/2024	14/05/2024	UBND Xã Đồng Lương	
22	000.04.41.H56-240227-1002	27/02/2024	28/02/2024	14/05/2024	UBND Xã Đồng Lương	
	Huyện Ngọc Lặc					
23	000.00.48.H56-240507-1010	07/05/2024	10/05/2024	13/05/2024	UBND Huyện Ngọc Lặc	
24	000.09.48.H56-240516-1003	16/05/2024	17/05/2024	20/05/2024	UBND Xã Quang Trung	
25	000.09.48.H56-240516-1004	16/05/2024	17/05/2024	20/05/2024	UBND Xã Quang Trung	
26	000.08.48.H56-240311-1001	11/03/2024	18/03/2024	24/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	
27	000.21.48.H56-240419-1001	19/04/2024	22/04/2024	16/05/2024	UBND Xã Lộc Thịnh	
28	000.21.48.H56-240508-1002	09/05/2024	10/05/2024	16/05/2024	UBND Xã Lộc Thịnh	
29	000.21.48.H56-240509-1008	09/05/2024	10/05/2024	13/05/2024	UBND Xã Lộc Thịnh	
30	000.21.48.H56-240509-1002	09/05/2024	10/05/2024	13/05/2024	UBND Xã Lộc Thịnh	
31	000.21.48.H56-240513-1001	13/05/2024	14/05/2024	16/05/2024	UBND Xã Lộc Thịnh	
32	000.21.48.H56-240513-1008	13/05/2024	14/05/2024	16/05/2024	UBND Xã Lộc Thịnh	
33	000.22.48.H56-240423-1001	24/04/2024	06/05/2024	14/05/2024	UBND Xã Lam Sơn	
34	000.22.48.H56-240513-1001	14/05/2024	15/05/2024	17/05/2024	UBND Xã Lam Sơn	
	Các chi nhánh Văn phòng ĐKDD huyện thuộc Văn phòng ĐKDD tỉnh, Sở TT&MT					
35	044.10.13.H56-240130-0017	30/01/2024	27/05/2024	31/05/2024	Chi nhánh VPĐKDD huyện Cẩm Thủy	Chưa số hóa, đính kèm kết quả giải quyết TTHC
36	044.10.13.H56-240313-0017	13/03/2024	17/04/2024	28/05/2024	Chi nhánh VPĐKDD huyện Cẩm Thủy	
37	044.10.13.H56-240313-0018	13/03/2024	17/04/2024	28/05/2024	Chi nhánh VPĐKDD huyện Cẩm Thủy	
38	044.10.13.H56-240321-0009	21/03/2024	15/05/2024	17/05/2024	Chi nhánh VPĐKDD huyện Cẩm Thủy	
39	044.10.13.H56-240321-0010	21/03/2024	15/05/2024	17/05/2024	Chi nhánh VPĐKDD huyện Cẩm Thủy	

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Ngày có kết quả	Đơn vị giải quyết	Ghi chú
40	044.10.13.H56-240326-0027	26/03/2024	14/05/2024	17/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Cẩm Thủy	
41	031.10.13.H56-240503-1047	04/05/2024	27/05/2024	30/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Yên Định	
42	041.10.13.H56-230816-0002	16/08/2023	26/02/2024	29/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Lang Chánh	Cập nhật, đính kèm kết quả giải quyết chưa phải là kết quả cuối cùng của TTHC được tiếp nhận
43	048.10.13.H56-230614-0002	14/06/2023	18/09/2023	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
44	048.10.13.H56-230704-0007	04/07/2023	10/05/2024	21/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
45	048.10.13.H56-230711-0003	11/07/2023	15/08/2023	27/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
46	048.10.13.H56-231019-0003	19/10/2023	23/05/2024	31/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
47	048.10.13.H56-231019-0004	19/10/2023	24/05/2024	31/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
48	048.10.13.H56-231019-0005	19/10/2023	23/05/2024	31/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
49	048.10.13.H56-231019-0007	19/10/2023	23/05/2024	31/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
50	048.10.13.H56-231121-0029	21/11/2023	19/04/2024	17/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
51	048.10.13.H56-231204-0001	04/12/2023	07/05/2024	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
52	048.10.13.H56-231205-0011	05/12/2023	07/05/2024	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
53	048.10.13.H56-231206-0002	06/12/2023	08/05/2024	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
54	048.10.13.H56-240306-1004	06/03/2024	20/05/2024	31/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
55	048.10.13.H56-240322-1113	22/03/2024	26/04/2024	06/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	
56	028.10.13.H56-231003-0004	17/04/2024	06/05/2024	15/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	Chưa số hóa, đính kèm kết quả giải quyết TTHC
57	028.10.13.H56-240415-1014	15/04/2024	14/05/2024	17/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	
58	028.10.13.H56-240408-1028	08/04/2024	17/05/2024	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	Cập nhật, đính kèm kết quả giải quyết TTHC chưa có ký số cơ quan
59	028.10.13.H56-240408-1027	08/04/2024	17/05/2024	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	
60	028.10.13.H56-240408-1024	08/04/2024	17/05/2024	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	
61	028.10.13.H56-240418-1010	19/04/2024	08/05/2024	17/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	
62	028.10.13.H56-240422-1017	22/04/2024	09/05/2024	14/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	
63	028.10.13.H56-240423-1006	23/04/2024	13/05/2024	15/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	
64	028.10.13.H56-240422-1017	22/04/2024	09/05/2024	14/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	

Phụ lục II
DANH SÁCH ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐANG CHẠM TRỄ TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TTHC
THÁNG 5 NĂM 2024

(Số liệu hồ sơ đang xử lý quá hạn từ ngày 01/5/2024 đến ngày 31/5/2024 trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh)
(Kèm theo Công văn số /HCC-HCQT ngày /6/2024 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Đơn vị giải quyết	Cán bộ đang xử lý
	Thành phố Sầm Sơn				
1	000.09.23.H56-240109-1001	23/01/2024	24/01/2024	UBND Phường Quảng Vinh	Phó Chủ tịch phụ trách Kinh tế
2	000.09.23.H56-240319-1001	27/03/2024	28/03/2024	UBND Phường Quảng Vinh	Địa chính phường Quảng Vinh
3	000.12.23.H56-240329-1002	05/04/2024	08/04/2024	UBND Xã Quảng Minh	Tư pháp xã Quảng Minh
4	000.12.23.H56-240410-1001	10/04/2024	11/04/2024	UBND Xã Quảng Minh	Tư pháp xã Quảng Minh
	Thị xã Nghi Sơn				
5	000.12.28.H56-240424-1007	02/05/2024	09/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
6	000.12.28.H56-240424-1014	02/05/2024	09/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
7	000.12.28.H56-240423-1025	02/05/2024	09/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
8	000.12.28.H56-240425-1002	03/05/2024	06/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
9	000.12.28.H56-240503-1011	03/05/2024	10/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
10	000.12.28.H56-240504-1004	04/05/2024	10/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
11	000.12.28.H56-240504-1002	04/05/2024	06/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
12	000.12.28.H56-240424-1011	04/05/2024	10/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
13	000.12.28.H56-240504-1006	04/05/2024	08/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
14	000.12.28.H56-240522-1005	23/05/2024	24/05/2024	UBND Phường Hải Thanh	Phó Chủ tịch phường Hải Thanh
	Huyện Hậu Lộc				
15	000.05.25.H56-240112-1001	12/01/2024	17/01/2024	UBND Xã Đồng Lộc	Tư pháp - Hộ tịch xã Đồng Lộc
16	000.05.25.H56-240228-1005	29/02/2024	05/03/2024	UBND Xã Đồng Lộc	Tư pháp - Hộ tịch xã Đồng Lộc
17	000.05.25.H56-240229-1004	29/02/2024	07/03/2024	UBND Xã Đồng Lộc	Tư pháp - Hộ tịch xã Đồng Lộc

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Đơn vị giải quyết	Cán bộ đang xử lý
18	000.05.25.H56-240229-1003	29/02/2024	07/03/2024	UBND Xã Đồng Lộc	Tư pháp - Hộ tịch xã Đồng Lộc
19	000.05.25.H56-240314-1001	14/03/2024	21/03/2024	UBND Xã Đồng Lộc	Tư pháp - Hộ tịch xã Đồng Lộc
20	000.05.25.H56-240321-1001	22/03/2024	29/03/2024	UBND Xã Đồng Lộc	Tư pháp - Hộ tịch xã Đồng Lộc
21	000.05.25.H56-240327-1001	28/03/2024	04/04/2024	UBND Xã Đồng Lộc	Tư pháp - Hộ tịch xã Đồng Lộc
22	000.05.25.H56-240425-1001	25/04/2024	07/05/2024	UBND Xã Đồng Lộc	Tư pháp - Hộ tịch xã Đồng Lộc
23	000.05.25.H56-240503-1001	03/05/2024	08/05/2024	UBND Xã Đồng Lộc	Tư pháp - Hộ tịch xã Đồng Lộc
24	000.19.25.H56-240517-1001	17/05/2024	22/05/2024	UBND Xã Liên Lộc	Chủ tịch UBND xã Liên Lộc
	Huyện Bá Thước				
25	000.21.42.H56-240307-1002	07/03/2024	08/04/2024	UBND Xã Điện Thượng	Phó Chủ tịch xã Điện Thượng
26	000.21.42.H56-240307-1003	07/03/2024	08/04/2024	UBND Xã Điện Thượng	Phó Chủ tịch xã Điện Thượng
27	000.21.42.H56-240307-1004	07/03/2024	08/04/2024	UBND Xã Điện Thượng	Phó Chủ tịch xã Điện Thượng
28	000.21.42.H56-240308-1001	08/03/2024	09/04/2024	UBND Xã Điện Thượng	Phó Chủ tịch xã Điện Thượng
29	000.21.42.H56-240308-1002	08/03/2024	09/04/2024	UBND Xã Điện Thượng	Phó Chủ tịch xã Điện Thượng
30	000.21.42.H56-240419-1001	19/04/2024	16/05/2024	UBND Xã Điện Thượng	Văn hóa - Xã Hội xã Điện Thượng
31	000.21.42.H56-240419-1002	19/04/2024	16/05/2024	UBND Xã Điện Thượng	Văn hóa - Xã Hội xã Điện Thượng
32	000.21.42.H56-240422-1001	22/04/2024	17/05/2024	UBND Xã Điện Thượng	Văn hóa - Xã Hội xã Điện Thượng
33	000.21.42.H56-240424-1002	24/04/2024	21/05/2024	UBND Xã Điện Thượng	Văn hóa - Xã Hội xã Điện Thượng
	Huyện Lang Chánh				
34	000.02.41.H56-240227-1001	27/02/2024	28/02/2024	UBND Thị trấn Lang Chánh	Phó Chủ tịch VH Thị trấn Lang Chánh
35	000.11.41.H56-240118-1002	18/01/2024	25/01/2024	UBND Xã Yên Thắng	Văn hóa xã Yên Thắng
36	000.11.41.H56-240119-1017	19/01/2024	27/02/2024	UBND Xã Yên Thắng	Văn hóa xã Yên Thắng
37	000.11.41.H56-240119-1020	19/01/2024	27/02/2024	UBND Xã Yên Thắng	Văn hóa xã Yên Thắng
38	000.11.41.H56-240119-1021	19/01/2024	27/02/2024	UBND Xã Yên Thắng	Văn hóa xã Yên Thắng
39	000.11.41.H56-240119-1022	19/01/2024	27/02/2024	UBND Xã Yên Thắng	Văn hóa xã Yên Thắng
40	000.11.41.H56-240119-1023	19/01/2024	27/02/2024	UBND Xã Yên Thắng	Chủ tịch xã Yên Thắng
41	000.11.41.H56-240119-1024	19/01/2024	27/02/2024	UBND Xã Yên Thắng	Chủ tịch xã Yên Thắng
42	000.11.41.H56-240223-1005	23/02/2024	26/03/2024	UBND Xã Yên Thắng	Văn hóa xã Yên Thắng

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Đơn vị giải quyết	Cán bộ đang xử lý
43	000.11.41.H56-240228-1001	28/02/2024	29/03/2024	UBND Xã Yên Thắng	Văn hóa xã Yên Thắng
44	000.11.41.H56-240119-1025	28/02/2024	29/03/2024	UBND Xã Yên Thắng	Văn hóa xã Yên Thắng
45	000.11.41.H56-240404-1010	08/04/2024	13/05/2024	UBND Xã Yên Thắng	Văn hóa xã Yên Thắng
46	000.11.41.H56-240404-1002	08/04/2024	13/05/2024	UBND Xã Yên Thắng	Chủ tịch xã Yên Thắng
47	000.11.41.H56-240404-1001	08/04/2024	13/05/2024	UBND Xã Yên Thắng	Chủ tịch xã Yên Thắng
48	000.12.41.H56-240109-1002	09/01/2024	12/01/2024	UBND Xã Yên Khương	Chủ tịch xã Yên Khương
49	000.12.41.H56-240117-1001	17/01/2024	22/01/2024	UBND Xã Yên Khương	Tư pháp xã Yên Khương
50	000.12.41.H56-240521-1009	21/05/2024	28/05/2024	UBND Xã Yên Khương	Văn hóa xã Yên Khương
51	000.12.41.H56-240522-1001	22/05/2024	29/05/2024	UBND Xã Yên Khương	Văn hóa xã Yên Khương
52	000.06.41.H56-240402-1001	02/04/2024	05/04/2024	UBND Xã Tân Phúc	Tư pháp xã Tân Phúc
53	000.08.41.H56-240514-1005	14/05/2024	21/05/2024	UBND Xã Lâm Phú	Văn Hóa xã Lâm Phú
54	000.10.41.H56-240315-1018	15/03/2024	16/04/2024	UBND Xã Giao Thiện	Chủ tịch xã Giao Thiện
55	000.10.41.H56-240315-1025	15/03/2024	16/04/2024	UBND Xã Giao Thiện	Chủ tịch xã Giao Thiện
56	000.10.41.H56-240422-1004	22/04/2024	24/05/2024	UBND Xã Giao Thiện	Chủ tịch xã Giao Thiện
57	000.10.41.H56-240422-1006	22/04/2024	24/05/2024	UBND Xã Giao Thiện	Chủ tịch xã Giao Thiện
58	000.10.41.H56-240422-1007	22/04/2024	24/05/2024	UBND Xã Giao Thiện	Chủ tịch xã Giao Thiện
59	000.10.41.H56-240422-1009	22/04/2024	24/05/2024	UBND Xã Giao Thiện	Chủ tịch xã Giao Thiện
60	000.10.41.H56-240422-1010	22/04/2024	24/05/2024	UBND Xã Giao Thiện	Chủ tịch xã Giao Thiện
61	000.10.41.H56-240422-1011	22/04/2024	24/05/2024	UBND Xã Giao Thiện	Chủ tịch xã Giao Thiện
62	000.10.41.H56-240424-1003	24/04/2024	29/05/2024	UBND Xã Giao Thiện	Chủ tịch xã Giao Thiện
63	000.04.41.H56-240115-0003	15/01/2024	21/02/2024	UBND Xã Đồng Lương	Phó Chủ tịch xã Đồng Lương
64	000.04.41.H56-240312-1007	12/03/2024	19/03/2024	UBND Xã Đồng Lương	Văn hóa xã Đồng Lương
65	000.04.41.H56-240424-1003	24/04/2024	06/05/2024	UBND Xã Đồng Lương	Văn hóa xã Đồng Lương
	Huyện Ngọc Lặc				
66	000.00.48.H56-240322-1004	22/03/2024	13/05/2024	UBND Huyện Ngọc Lặc	Lê Văn Định
67	000.00.48.H56-240415-1014	16/04/2024	21/05/2024	UBND Huyện Ngọc Lặc	Lê Văn Định
68	000.09.48.H56-240313-1011	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Đơn vị giải quyết	Cán bộ đang xử lý
69	000.09.48.H56-240313-1010	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
70	000.09.48.H56-240313-1009	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
71	000.09.48.H56-240313-1008	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
72	000.09.48.H56-240313-1007	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
73	000.09.48.H56-240313-1006	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
74	000.09.48.H56-240313-1005	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
75	000.09.48.H56-240313-1004	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
76	000.09.48.H56-240313-1003	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
77	000.09.48.H56-240313-1002	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
78	000.09.48.H56-240313-1014	28/03/2024	09/04/2024	UBND Xã Quang Trung	Văn hóa - Xã Hội xã Quang Trung
79	000.09.48.H56-240408-0005	08/04/2024	23/05/2024	UBND Xã Quang Trung	Chủ tịch xã Quang Trung
80	000.09.48.H56-240408-0008	08/04/2024	23/05/2024	UBND Xã Quang Trung	Địa chính xã Quang Trung
81	000.09.48.H56-240408-0013	08/04/2024	23/05/2024	UBND Xã Quang Trung	Địa chính xã Quang Trung
82	000.09.48.H56-240528-1002	28/05/2024	29/05/2024	UBND Xã Quang Trung	Phó Chủ tịch xã Quang Trung
83	000.12.48.H56-240315-1002	15/03/2024	21/03/2024	UBND Xã Phùng Giáo	Văn hóa - Xã Hội xã Phùng Giáo
84	000.10.48.H56-240112-0001	12/01/2024	01/03/2024	UBND Xã Ngọc Trung	Địa chính xã Ngọc Trung
85	000.10.48.H56-240113-0001	13/01/2024	01/03/2024	UBND Xã Ngọc Trung	Địa chính xã Ngọc Trung
86	000.10.48.H56-240416-1001	08/05/2024	09/05/2024	UBND Xã Ngọc Trung	Tư pháp xã Ngọc Trung
87	000.10.48.H56-240517-1001	20/05/2024	21/05/2024	UBND Xã Ngọc Trung	Phó chủ tịch xã Ngọc Trung
88	000.18.48.H56-231227-0001	27/12/2023	15/02/2024	UBND Xã Mỹ Tân	Chủ tịch xã Mỹ Tân
89	000.18.48.H56-240118-0001	18/01/2024	07/03/2024	UBND Xã Mỹ Tân	Chủ tịch xã Mỹ Tân
90	000.08.48.H56-230508-1002	15/05/2024	16/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	Tư pháp xã Minh Tiến
91	000.08.48.H56-240125-1002	29/01/2024	05/02/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
92	000.08.48.H56-240308-1001	08/03/2024	15/03/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
93	000.08.48.H56-240313-1004	13/03/2024	14/03/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
94	000.08.48.H56-240313-1005	14/03/2024	21/03/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
95	000.08.48.H56-240314-1003	14/03/2024	21/03/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Đơn vị giải quyết	Cán bộ đang xử lý
96	000.08.48.H56-240316-1005	16/03/2024	16/04/2024	UBND Xã Minh Tiến	Chủ tịch xã Minh Tiến
97	000.08.48.H56-240319-1002	19/03/2024	18/04/2024	UBND Xã Minh Tiến	Chủ tịch xã Minh Tiến
98	000.08.48.H56-240322-1004	22/03/2024	25/03/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
99	000.08.48.H56-240327-1001	28/03/2024	02/04/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
100	000.08.48.H56-240422-1003	22/04/2024	24/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	Chủ tịch xã Minh Tiến
101	000.08.48.H56-240502-1001	03/05/2024	06/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	Tư pháp xã Minh Tiến
102	000.08.48.H56-240503-1002	03/05/2024	08/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	Tư pháp xã Minh Tiến
103	000.08.48.H56-240503-1003	03/05/2024	08/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
104	000.08.48.H56-240504-1001	04/05/2024	10/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
105	000.08.48.H56-240506-1001	07/05/2024	10/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
106	000.08.48.H56-240523-1002	23/05/2024	24/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
107	000.08.48.H56-240523-1001	23/05/2024	24/05/2024	UBND Xã Minh Tiến	Phó chủ tịch xã Minh Tiến
108	000.21.48.H56-240325-0001	25/03/2024	06/05/2024	UBND Xã Lộc Thịnh	Địa chính xã Lộc Thịnh
109	000.21.48.H56-240423-1002	03/05/2024	06/05/2024	UBND Xã Lộc Thịnh	Phó chủ tịch xã Lộc Thịnh
110	000.21.48.H56-240517-0002	17/05/2024	20/05/2024	UBND Xã Lộc Thịnh	Phó chủ tịch xã Lộc Thịnh
111	000.22.48.H56-240104-0002	04/01/2024	22/02/2024	UBND Xã Lam Sơn	Địa chính xã Lam Sơn
112	000.22.48.H56-240228-1002	28/02/2024	29/02/2024	UBND Xã Lam Sơn	Phó Chủ tịch xã Lam Sơn
113	000.22.48.H56-240318-1003	18/03/2024	19/03/2024	UBND Xã Lam Sơn	Chủ tịch xã Lam Sơn
114	000.22.48.H56-240506-1001	07/05/2024	14/05/2024	UBND Xã Lam Sơn	Phó Chủ tịch xã Lam Sơn
115	000.22.48.H56-240520-1001	21/05/2024	22/05/2024	UBND Xã Lam Sơn	Phó Chủ tịch xã Lam Sơn
116	000.03.48.H56-240410-0003	10/04/2024	27/05/2024	UBND Xã Kiên Thọ	Địa chính xã Kiên Thọ
	Huyện Nông Cống				
117	000.05.36.H56-240523-1004	24/05/2024	27/05/2024	UBND Xã Trung Chính	Tư pháp - Hộ tịch xã Trung Chính
118	000.20.36.H56-240315-1001	15/03/2024	22/03/2024	UBND Xã Thăng Thọ	Chính sách xã Thăng Thọ
119	000.20.36.H56-240326-1002	26/03/2024	26/03/2024	UBND Xã Thăng Thọ	Tư pháp - Hộ tịch xã Thăng Thọ
120	000.20.36.H56-240328-1003	28/03/2024	28/03/2024	UBND Xã Thăng Thọ	Phó Chủ tịch xã Thăng Thọ
121	000.21.36.H56-240327-1004	27/03/2024	01/04/2024	UBND Xã Thăng Bình	Chủ tịch xã Thăng Bình

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Đơn vị giải quyết	Cán bộ đang xử lý
	Huyện Quan Hóa				
122	000.00.39.H56-240507-1001	07/05/2024	10/05/2024	UBND Huyện Quan Hóa	Vi Đức Thùy
123	000.00.39.H56-240515-1001	15/05/2024	16/05/2024	UBND Huyện Quan Hóa	Dương Thị Nhung
	Huyện Thọ Xuân				
124	000.33.34.H56-240410-1001	10/04/2024	26/04/2024	UBND Xã Xuân Tín	Văn hóa xã Xuân Tín
125	000.11.34.H56-240402-1004	17/04/2024	07/05/2024	UBND Xã Xuân Phong	Xã Xuân Phong
126	000.37.34.H56-240314-1002	14/03/2024	15/03/2024	UBND Xã Xuân Lập	Phó Chủ tịch xã Xuân Lập
127	000.37.34.H56-240314-1001	14/03/2024	15/03/2024	UBND Xã Xuân Lập	Phó Chủ tịch xã Xuân Lập
128	000.37.34.H56-240425-1001	02/05/2024	03/05/2024	UBND Xã Xuân Lập	Phó Chủ tịch xã Xuân Lập
129	000.37.34.H56-240517-1005	17/05/2024	20/05/2024	UBND Xã Xuân Lập	Phó Chủ tịch xã Xuân Lập
130	000.36.34.H56-240425-1005	25/04/2024	26/04/2024	UBND Xã Xuân Lai	Phó Chủ tịch xã Xuân Lai
131	000.36.34.H56-240506-1006	06/05/2024	07/05/2024	UBND Xã Xuân Lai	Phó Chủ tịch xã Xuân Lai
132	000.36.34.H56-240521-1011	21/05/2024	22/05/2024	UBND Xã Xuân Lai	Phó Chủ tịch xã Xuân Lai
133	000.14.34.H56-230929-1003	12/04/2024	02/05/2024	UBND Xã Xuân Hòa	Văn hóa xã Xuân Hòa
134	000.23.34.H56-240513-1001	13/05/2024	28/05/2024	UBND Xã Thọ Xương	Văn hóa xã Thọ Xương
	Huyện Thường Xuân				
135	000.18.47.H56-240328-1004	28/03/2024	18/04/2024	UBND Thị trấn Thường Xuân	Văn hóa thị trấn Thường Xuân
136	000.03.47.H56-200924-1002	17/05/2024	23/05/2024	UBND Xã Yên Nhân	PCT VH xã Yên Nhân
137	000.03.47.H56-201005-1001	17/05/2024	23/05/2024	UBND Xã Yên Nhân	PCT VH xã Yên Nhân
138	000.03.47.H56-240408-1005	08/04/2024	11/04/2024	UBND Xã Yên Nhân	Phó chủ tịch xã Yên Nhân
139	000.03.47.H56-240510-1001	10/05/2024	15/05/2024	UBND Xã Yên Nhân	PCT VH xã Yên Nhân
140	000.17.47.H56-240226-1002	14/03/2024	21/03/2024	UBND Xã Xuân Dương	Chủ tịch xã Xuân Dương
141	000.17.47.H56-231222-1002	14/03/2024	21/03/2024	UBND Xã Xuân Dương	Chủ tịch xã Xuân Dương
142	000.17.47.H56-231221-1002	14/03/2024	15/04/2024	UBND Xã Xuân Dương	Chủ tịch xã Xuân Dương
143	000.17.47.H56-231221-1001	14/03/2024	15/04/2024	UBND Xã Xuân Dương	Chủ tịch xã Xuân Dương
144	000.17.47.H56-231205-1001	14/03/2024	21/03/2024	UBND Xã Xuân Dương	Chủ tịch xã Xuân Dương
145	000.17.47.H56-240523-1001	23/05/2024	24/05/2024	UBND Xã Xuân Dương	Phó chủ tịch xã Xuân Dương

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Đơn vị giải quyết	Cán bộ đang xử lý
146	000.17.47.H56-240523-1004	23/05/2024	27/05/2024	UBND Xã Xuân Dương	Phó chủ tịch xã Xuân Dương
	Huyện Vĩnh Lộc				
147	000.05.33.H56-240522-1001	22/05/2024	29/05/2024	UBND Xã Vĩnh Long	Chính Sách Xã Vĩnh Long
148	000.06.33.H56-240423-1007	20/05/2024	27/05/2024	UBND Xã Vĩnh Phúc	Chính sách xã Vĩnh Phúc
149	000.06.33.H56-240423-1008	20/05/2024	27/05/2024	UBND Xã Vĩnh Phúc	Chính sách xã Vĩnh Phúc
	Huyện Thọ Xuân				
150	000.63.34.H56-231201-1001	28/12/2023	15/01/2024	UBND Xã Phú Xuân	Văn hóa xã Phú Xuân
151	000.63.34.H56-240117-1001	17/01/2024	21/02/2024	UBND Xã Phú Xuân	Văn hóa xã Phú Xuân
152	000.63.34.H56-240117-1002	17/01/2024	21/02/2024	UBND Xã Phú Xuân	Văn hóa xã Phú Xuân
153	000.62.34.H56-231204-1002	04/12/2023	04/01/2024	UBND Xã Thuận Minh	Chủ tịch xã Thuận Minh
154	000.62.34.H56-231204-1003	04/12/2023	04/01/2024	UBND Xã Thuận Minh	Chủ tịch xã Thuận Minh
155	000.62.34.H56-231204-1004	04/12/2023	04/01/2024	UBND Xã Thuận Minh	Chủ tịch xã Thuận Minh
156	000.62.34.H56-231204-1005	04/12/2023	04/01/2024	UBND Xã Thuận Minh	Chủ tịch xã Thuận Minh
157	000.62.34.H56-231204-1006	04/12/2023	04/01/2024	UBND Xã Thuận Minh	Chủ tịch xã Thuận Minh
158	000.62.34.H56-231206-1001	06/12/2023	08/01/2024	UBND Xã Thuận Minh	Chủ tịch xã Thuận Minh
159	000.62.34.H56-240103-1010	03/01/2024	02/02/2024	UBND Xã Thuận Minh	Phó Chủ tịch xã Thuận Minh
160	000.62.34.H56-240228-1001	28/02/2024	14/03/2024	UBND Xã Thuận Minh	Phó Chủ tịch xã Thuận Minh
	Các chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện thuộc Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh, Sở TT&MT				
161	023.10.13.H56-240503-0015	03/05/2024	17/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Sầm Sơn	Nguyễn Ngọc Bích
162	023.10.13.H56-240503-0016	03/05/2024	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Sầm Sơn	Nguyễn Ngọc Bích
163	023.10.13.H56-240504-0023	04/05/2024	24/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Sầm Sơn	Nguyễn Ngọc Bích
164	023.10.13.H56-240507-0012	07/05/2024	29/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Sầm Sơn	Nguyễn Ngọc Bích
165	048.10.13.H56-230529-0003	29/05/2023	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Phạm Thị Lý
166	048.10.13.H56-230529-0005	29/05/2023	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Phạm Thị Lý
167	048.10.13.H56-230529-0008	29/05/2023	18/04/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Phạm Thị Lý

TT	Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Đơn vị giải quyết	Cán bộ đang xử lý
168	048.10.13.H56-230907-0005	07/09/2023	20/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Nguyễn Thị Nga
169	048.10.13.H56-230911-0004	11/09/2023	23/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Nguyễn Thị Nga
170	048.10.13.H56-230912-0010	12/09/2023	24/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Nguyễn Thị Nga
171	048.10.13.H56-231019-0006	19/10/2023	27/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Phạm Thị Lý
172	048.10.13.H56-231121-0023	21/11/2023	03/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Phạm Thị Lý
173	048.10.13.H56-231204-0006	04/12/2023	16/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Lương Văn Cương
174	048.10.13.H56-231219-0025	19/12/2023	22/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Phạm Thị Lý
175	048.10.13.H56-240123-1034	24/01/2024	22/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Lương Văn Cương
176	048.10.13.H56-240123-1033	24/01/2024	22/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Lương Văn Cương
177	048.10.13.H56-240123-1032	24/01/2024	22/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Lương Văn Cương
178	048.10.13.H56-240123-1031	24/01/2024	24/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Lương Văn Cương
179	048.10.13.H56-240123-1030	24/01/2024	22/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Lương Văn Cương
180	048.10.13.H56-240123-1029	24/01/2024	22/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Lương Văn Cương
181	048.10.13.H56-240123-1028	24/01/2024	22/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Lương Văn Cương
182	048.10.13.H56-240123-1027	24/01/2024	22/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc	Lương Văn Cương
183	034.10.13.H56-240319-1006	19/03/2024	26/03/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Thọ Xuân	Lê Duy Kiên
184	047.10.13.H56-240502-0012	02/05/2024	30/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Thường Xuân	Nguyễn Thanh Tuấn
185	028.10.13.H56-240416-1043	17/04/2024	27/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	Lại Thanh Bình
186	028.10.13.H56-240503-1042	03/05/2024	30/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	Lại Thị Thuận
187	028.10.13.H56-240513-1062	13/05/2024	27/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	Lại Thị Thuận
188	028.10.13.H56-240515-1041	15/05/2024	29/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	Lại Thị Thuận
189	028.10.13.H56-240516-1049	16/05/2024	30/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	Lại Thị Thuận
190	028.10.13.H56-240516-1050	16/05/2024	30/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	Lại Thị Thuận
191	028.10.13.H56-240521-1007	21/05/2024	24/05/2024	Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn	Trần Thị Thuý Nga